

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 604/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, giữa các đương sự sau:

- *Người yêu cầu*: Bà Chung Thảo V, sinh ngày 03/01/1997. Căn cước công dân số 079197002621 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/5/2023. Địa chỉ: 39 Đ, phường H (trước đây là phường H, quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu*: Ông Lý T, sinh ngày 4/7/1997. Căn cước công dân số 074097009211 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/8/2022. Địa chỉ: 86/27/16 C, phường B (trước đây là Phường E, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 95, ngày 17 tháng 7 năm 2017 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà Chung Thảo V và ông Lý T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Thảo V và ông Lý T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Lý P, sinh ngày 29/7/2019. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà Chung Thảo V trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Bà Chung Thảo V và ông Lý T khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Chung Thảo V và ông Lý T khai không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Chung Thảo V và ông Lý T phải chịu. Bà Chung Thảo V và ông Lý T thỏa thuận bà Vy tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Chung Thảo V và ông Lý T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Thảo V và ông Lý T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Lý P, sinh ngày 29/7/2019. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà Chung Thảo V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Chung Thảo V và ông Lý T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Chung Thảo V và ông Lý T xác nhận không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Bà Chung Thảo V và ông Lý T phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn 300.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bà V chịu toàn bộ lệ phí 300.000 đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do bà Chung Thảo V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035261 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - VKSND KV4.TP.HCM;
 - Phòng THADS KV4.TP.HCM;
 - UBND P. B, TP.Hồ Chí Minh
- (Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số
95 do UBND P.E, quận B (cũ)
cấp ngày 17 tháng 7 năm 2017);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu